

PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH

Phúc giảng lần thứ hai: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 30/11/2020

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Tập 20

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Từ hôm nay trở đi chúng tôi bắt đầu giảng kinh văn của phẩm thứ ba:

ĐẠI GIÁO DUYÊN KHỞI ĐỆ TAM

Kinh văn trong phẩm này là Thế Tôn thị hiện tướng lành hiếm có, phóng quang cảm động tôn giả A-nan. Ngài A-nan thưa hỏi, Thế Tôn trả lời, diễn thuyết biển nguyện của đức Di-đà, pháp bảo hiếm có khó gặp nhất, [đó là] Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh.

Mời xem câu kinh tiếp theo:

Nhĩ thời Thế Tôn, uy quang hách diệc, như dung kim tụ, hựu như minh kính, ảnh sớng biểu lý. Hiện đại quang minh, số thiên bá biến.

Bấy giờ đức Thế Tôn uy thần quang minh sáng rỡ mạnh mẽ, như ánh sáng của vàng nung chảy, cũng như gương sáng, trong ngoài đều tỏ. Hiện ánh sáng lớn, trăm ngàn sắc tướng xinh đẹp.

Đoạn kinh này [miêu tả] đức Phật phóng quang hiện tướng lành. “*Uy quang hách diệc*”, quang minh do Phật phóng ra dũng mãnh uy nghiêm, sáng chói rực rỡ, khiến người nhìn thấy được quang minh này sanh tâm kính sợ. “*Như dung kim tụ*”, lại giống như sự chói sáng rực rỡ của vàng sau khi bị nung chảy, tụ lại với nhau, đẹp không tả xiết. Đây là nói hào quang, nghi dung, tinh thần của Phật không giống ngày thường, trước đây chưa từng thấy, đây là tán thán tướng hảo của Phật.

“*Hựu như minh kính, ảnh sớng biểu lý*”, thân tâm của Phật thuần tịnh thanh khiết không gì sánh bằng, không nhiễm chút bụi trần. Quang minh của thân Phật

giống như tấm gương, trong ngoài đều trong suốt, giống như pha lê, đây là tướng lành.

“*Hiện đại quang minh, số thiên bá biến*”, chữ đại này biểu thị ánh sáng này vô cùng thù thắng, sáng ngời rộng lớn. Hình sắc của ánh sáng thiên biến vạn hóa, đẹp không tả xiết. Trong ánh sáng có màu sắc, trong màu sắc có ánh sáng, hoán đổi lẫn nhau; hình dạng của ánh sáng cũng không ngừng biến đổi, càng biến càng đẹp.

Sáu câu kinh văn vừa rồi nói Thế Tôn phóng quang hiện tướng lành. Đây là nhân duyên đầu tiên khởi xướng bộ kinh này.

Mời xem đoạn kinh văn tiếp theo:

Tôn giả A-nan tức tự tư duy: Kim nhật Thế Tôn, sắc thân chư căn, duyệt dự thanh tịnh, quang nhan nguy nguy, bảo sát trang nghiêm, tùng tích dĩ lai, sở vị tăng kiến. Hỷ đắc chiêm ngưỡng, sanh hy hữu tâm.

Tôn giả A-nan liền tự suy nghĩ: Ngày nay sắc thân các căn của đức Thế Tôn hoan hỷ thanh tịnh, dung nhan sáng ngời tôn quý, cõi nước trang nghiêm, từ trước đến nay chưa từng thấy. Vui mừng được chiêm ngưỡng, sanh tâm hy hữu.

“*Tôn giả A-nan tức tự tư duy*”, ngài A-nan là thị giả của Phật, đã chứng được Sơ quả, mỗi lần Phật giảng kinh ngài đều tham gia. Trong hội Pháp Hoa đức Phật công bố, “ta cùng nhóm ông A-nan cùng lúc ở chỗ Không Vương Phật đồng thời phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, A-nan ưa thích đa văn, ta thường siêng tinh tấn, vì vậy nay ta đã đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. A-nan sẽ phải hộ trì pháp của ta, cũng hộ trì pháp tạng của chư Phật trong tương lai, giáo hóa thành tựu chúng Bồ-tát”. Ngài A-nan vẫn chưa thành Phật, có thể thấy được ngài A-nan và Thế Tôn cùng lúc phát tâm ở chỗ Không Vương Phật, một trong những nhiệm vụ của ngài A-nan là giáo hóa chúng Bồ-tát, cũng tức là có thể làm thầy của Bồ-tát, đây chính là bổn tích của ngài A-nan, chứng Sơ quả chỉ là thị hiện.

Trên thực tế, những gì ngài A-nan hiển hiện trong một đời: ngài là nhân vật vô cùng quan trọng của đại giáo. Một, ngài kết tập kinh tạng; hai, truyền tâm ấn của Phật, ngài là tổ thứ hai của Thiên tông; ba, trong Mật điển gọi A-nan là Tập Pháp Kim Cang, ngôi vị Kim Cang đồng với Như Lai. Sau khi giáo chủ Mật giáo - Đại sĩ Liên Hoa Sanh ra đời, ngài lãnh thọ pháp do Thích-ca Mâu-ni Phật truyền trao lại từ

chỗ A-nan. Cho nên A-nan hộ trì Phật pháp là bản nguyện của ngài. Ngài thị hiện làm thị giả của Phật, hơn nữa lại truyền thừa hai tông phái Thiên và Mật, tiếp nối huệ mạng Phật, tiếp nối người trước, dẫn dắt người sau. Do vậy, ngài là người đương cơ trong kinh Vô Lượng Thọ. Một mình ngài A-nan hộ trì cả Thiên, Mật, Tịnh, Phật pháp là một không phải hai, pháp môn là một không phải hai. Nói rộng ra hơn, tôn giáo là một không phải hai. Vạn pháp quy nhất, tuy khác đường nhưng cùng đích đến, đều quy về kinh Vô Lượng Thọ, quy về A-di-đà Phật.

Công đức tinh pháp của tôn giả A-nan lớn, công đức ngài kết tập kinh điển càng lớn, vì để mọi người hiểu rõ hơn về tôn giả A-nan, tôi sẽ kể cho mọi người nghe một câu chuyện nhỏ có liên quan đến việc kết tập kinh điển của ngài A-nan:

Lúc đức Phật nhập Niết-bàn trong rừng Sa-la Song Thọ của thành Câu-thi-na, ngài A-nan đau buồn khóc không thành tiếng. Đức Phật dùng ánh mắt thương xót nhìn ngài A-nan rồi nói với mọi người: A-nan phụng sự ta hai mươi bảy năm vô cùng vất vả, A-nan là người ôn hòa khoan hậu, nghe pháp liền nhớ, tương lai có thể tỏa sáng trên thế gian. Ba ngày sau khi Phật nhập diệt, ngài A-nan đi tới thành Vương-xá tham gia kết tập thánh điển lần thứ nhất. Đi đường hơn hai tháng, ngày 14 tháng 4 mới tới thành Vương-xá. Ngày thứ hai bắt đầu an cư, kết tập kinh Phật. Lúc này, ngài Đại Ca-diếp được đề cử làm chủ tọa, ngài đã chọn 499 vị A-la-hán. Bởi vì ngài A-nan chưa chứng quả cho nên bị gạt bỏ ra ngoài, điều này mang lại đả kích rất lớn đối với ngài A-nan. Ngay đêm đó ngài cố gắng tu hành, giữa đêm liền chứng quả A-la-hán, tham gia kết tập. Trong pháp hội A-nan tụng “kinh Trường A-hàm”, “kinh Trung A-hàm”, “kinh Tạp A-hàm”, “kinh Tăng Nhất A-hàm”, “kinh Thí Dụ”, “kinh Pháp Cú”. Sở dĩ Phật giáo có được thánh điển lưu truyền ở đời đều là nhờ vào công lao của ngài A-nan. Đại Ca-diếp là người chủ trì kết tập kinh điển ở thành Vương-xá, đương nhiên được các trưởng lão thượng tọa coi là người lãnh đạo. Hai mươi năm sau, ngài Ca-diếp đem pháp truyền cho A-nan, rồi lên núi Kê Túc nhập diệt, A-nan được đề cử làm người lãnh đạo tăng đoàn, lúc ấy ngài đã là một ông lão 66 tuổi. Sau khi ngài Ca-diếp diệt độ, Phật giáo dưới sự lãnh đạo của ngài A-nan vẫn luôn hòa hợp, không nảy sinh vấn đề gì lớn. Vào năm A-nan 120 tuổi, có một hôm trên đường đi nghe thấy một vị tỷ-kheo nói rằng:

*“Người sống lâu trăm tuổi
Chưa thấy chim hạc nước*

*Không bằng sống một ngày
Mà có thể thấy được!”*

A-nan thấy vậy ân cần sửa lại:

*“Người sống lâu trăm tuổi
Không hiểu pháp sanh diệt
Không bằng sống một ngày
Mà có thể hiểu được!”*

Tỳ-kheo trở về trình với sư phụ. Sư phụ nói “con đừng nghe A-nan nói bậy, ông ta già yếu, đã mất trí nhớ và trí tuệ”. Tỳ-kheo lại kể cho ngài A-nan nghe lời nói của sư phụ. A-nan nghe xong, thầm nghĩ: mình tụng ra đại pháp của đức Phật cho chúng sanh, nhưng mà ngã kiến, ngã chấp của chúng sanh sâu nặng, không vâng làm theo Phật pháp, mình sống trên đời này còn có ý nghĩa gì? Lại nhớ tới lúc đức Phật còn tại thế, chư đại đệ tử đều nhập diệt rồi, chỉ còn lại một mình ngài, giống như một khu rừng bị đốn sạch, chỉ còn lại một cây đại thụ không thể ngăn gió che mưa. Thế là ngài bay lên trên sông Hằng, biên giới giữa hai nước Ma-kiệt-đà và Tỳ-xá-ly nhập Niết-bàn. Thánh thể của ngài chia làm hai phần, một phần lưu giữ ở giảng đường Trùng Các trong rừng Đại Lâm phía bắc Tỳ-xá-ly, một phần lưu giữ bên cạnh tinh xá Trúc Lâm thành Vương-xá, xây tháp cúng dường. Bởi vì A-nan nhập diệt mà hai nước Ma-kiệt-đà và Tỳ-xá-ly thân thiện hữu hảo, không chiến tranh nữa, giúp tính mạng và tài sản của hàng triệu người dân không bị tổn thất, có thể thấy được ngài A-nan có tinh thần cứu người giúp đời của Bồ-tát Đại thừa.

Mời xem câu kinh văn tiếp theo:

“Tức tự tư duy”.

Hôm nay A-nan thấy Phật hiện tướng lành, phóng ra ánh sáng thù thắng không tầm thường, trước giờ ngài chưa từng thấy, trong lòng ngài suy nghĩ: “Ngày nay sắc thân các căn của đức Thế Tôn hoan hỷ thanh tịnh”, đức Phật “như hình ảnh vi diệu trong tấm gương, như trăng tròn sáng [hiện bóng] trong nước sạch”, đức Phật thị hiện vô cùng hoan hỷ, vô cùng vui vẻ. Tại sao đức Phật lại hoan hỷ như vậy? Có hai nghĩa: một là tất cả thánh hạnh niệm A-di-đà Phật có công đức viên mãn; hai là bởi vì thời cơ hiếm có để chúng sanh đều đạt được lợi ích từ pháp đã đến. Có thể thấy được kinh này biểu đạt rộng khắp bốn hoài của Như Lai, Thích-ca Mâu-ni Phật, A-

di-đà Phật đều vô cùng hoan hỷ, bởi vì thời cơ để chúng sanh đạt được lợi ích chân thật đã đến, hai vị đạo sư của hai cõi nước đều hoan hỷ chúc tụng!

“Quang nhan nguy nguy, bảo sát trang nghiêm”.

“Nguy nguy” có nghĩa là hình dáng cao lớn rất tôn quý; “nhan” là dung nhan. Dung nhan của Phật có ánh sáng, cho nên gọi là “quang nhan”. Trong ánh sáng Phật thị hiện cõi nước trang nghiêm của chư Phật mười phương, “bảo sát” là cõi nước thanh tịnh của chư Phật, đây chính là hiện thị cảnh giới sự sự vô ngại không thể nghĩ bàn của Hoa Nghiêm. Hào quang của một vị Phật là một, là nhỏ; [hào quang] của cõi nước chư Phật là nhiều, là lớn. Trong một có nhiều, nhỏ có thể bao hàm lớn, đều là cảnh giới vi diệu thù thắng vượt khỏi tình thức, thoát khỏi tri kiến, đều là tướng công đức sẵn có trong tự tâm. Tướng lành thù thắng như vậy, ngài A-nan “tùng tích dĩ lai, sở vị tăng kiến”, là tướng lành mà từ quá khứ cho đến hiện tại A-nan chưa từng thấy.

“Hy đắc chiêm ngưỡng, sanh hy hữu tâm”.

“Hy đắc chiêm ngưỡng” biểu đạt những ý nghĩa như sau:

-Một, ngài A-nan lần đầu tiên thấy tướng lành phóng quang thù thắng của Thế Tôn, trong tâm không kìm nén được sự hoan hỷ.

-Hai, ngài A-nan có duyên rất sâu với Thế Tôn, mới may mắn thấy được tướng lành hiếm có như vậy của Thế Tôn, trong lòng hoan hỷ khôn cùng.

-Ba, đại chúng trong pháp hội cũng như ngài A-nan, bởi vì có duyên rất sâu với Thế Tôn, nên cũng thấy được tướng lành hiếm có của Thế Tôn.

-Bốn, ngài A-nan và đại chúng trong pháp hội “vui mừng được chiêm ngưỡng, sanh tâm hy hữu”.

Hôm nay thấy được Thế Tôn phóng quang hiện tướng lành như vậy, A-nan sanh tâm hy hữu, đại chúng tham gia pháp hội cũng sanh tâm hy hữu. Tâm hy hữu là tâm cung kính thành khẩn trước nay chưa từng có. Tôn giả A-nan thay mặt đại chúng, “liền từ chỗ ngồi đứng lên, trích áo bày vai phải quỳ thẳng chấp tay mà bạch Phật rằng”, thỉnh giáo đức Phật, “tại sao hôm nay dung mạo hào quang của Phật lại thù thắng như vậy?”

Mời xem câu kinh văn tiếp theo:

Thế Tôn kim nhật nhập đại tịch định, trụ kỳ đặc pháp, trụ chư Phật sở trụ, đạo sư chi hạnh. Tối thắng chi đạo. Khứ lai hiện tại Phật Phật tương niệm, vi niệm quá khứ vị lai chư Phật da? Vi niệm hiện tại tha phương chư Phật da? Hà cố uy thần hiển diệu, quang thụy thù diệu nãi nhĩ, nguyện vị tuyên thuyết.

Hôm nay Thế Tôn nhập đại tịch định, trụ trong pháp đặc biệt, trụ nơi chư Phật trụ, trụ nơi hạnh của đạo sư. Đạo thù thắng bậc nhất! Quá hiện vị lai Phật Phật niệm nhau. Thế Tôn là niệm chư Phật quá khứ, chư Phật vị lai, hay niệm chư Phật hiện tại phương khác? Vì sao lại có uy thần hiển diệu, quang minh tướng lành đặc biệt vi diệu như vậy? Nguyện Đức Thế Tôn vì chúng con mà tuyên thuyết.

Đoạn này là ngài A-nan thỉnh pháp với Phật, hàm ý rất sâu:

Một, ngài A-nan gọi thầy là “Thế Tôn”, Phật là thầy của trời người, được thế gian xuất thế gian tôn kính, trời người tôn kính, cho nên gọi là “Thế Tôn”, đây là cách gọi tôn kính nhất.

Hai, “hôm nay Thế Tôn nhập đại tịch định”, Phật và Đại Bồ-tát thường ở trong định. “Thủ Lăng-nghiêm đại định” được nói trong kinh Lăng-nghiêm, “Na-già thường ở trong định, không lúc nào chẳng định”, đại định là không có xuất, không có nhập, đi đứng nằm ngồi đều ở trong định. Phật và chư Đại Bồ-tát bình thường đều như vậy.

Ba, hôm nay đại định mà đức Phật thị hiện thù thắng hơn bình thường. Rốt cuộc đây là định gì? Đây không phải là đại định thông thường, mà là niệm Phật tam-muội. “Niệm Phật tam-muội là vua trong các tam-muội”, Thế Tôn đang niệm A-di-đà Phật.

Bốn, ngài A-nan đại quyền thị hiện, ngài là Phật Bồ-tát tái lai, sơ quả La-hán chỉ là thị hiện mà thôi, ngài đến giúp Thích-ca Mâu-ni Phật hoằng pháp lợi sanh.

Năm, những điều A-nan hỏi, không phải ngài không biết, mà ngài thay mặt đại chúng thỉnh pháp, chúng ta phải cảm ơn sâu sắc sự từ bi của ngài A-nan.

“Hôm nay Thế Tôn nhập đại tịch định”. Kinh Niết-bàn nói “Ta nhập đại tịch định ở trong rừng Sa-la Song Thọ này”. Lúc đức Phật nhập Niết-bàn, ngài nhập định ở trong rừng Song Thọ gọi là “đại tịch định”. Kinh Niết-bàn lại nói: “Đại tịch định

gọi là Đại Niết-bàn”, ba đức của Niết-bàn là Pháp thân đức, Giải thoát đức, Bát-nhã đức. Ba đức viên mãn là Đại Niết-bàn.

Sách Chân Giải nói: Đại tịch định là tên gọi khác của niệm Phật tam-muội. Hiện tại Phật muốn giảng cho mọi người pháp môn niệm Phật, cho nên Phật phải trụ trong niệm Phật tam-muội.

Theo kinh Niết-bàn, đại tịch định chính là Đại Niết-bàn, kết hợp với Tịnh độ chính là niệm Phật Tam-muội, hai cách nói này không hề mâu thuẫn. Giáo lý Viên Đôn chủ trương “nhân quả đồng thời”, niệm Phật tam-muội là nhân, chứng Niết-bàn là quả, nhân quả đồng thời, cho nên cả hai hiển hiện cùng lúc.

Tiếp theo nhân cơ hội này, tôi giới thiệu sơ lược với mọi người một chút về bốn đức vốn có của Đại Bát Niết-bàn: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

-Thường là thể của Niết-bàn, thường hằng bất biến, không có sanh diệt.

-Lạc là thể của Niết-bàn, vĩnh viễn tịch diệt, an nhàn, thọ dụng, không chút phiền não.

-Ngã là thể của Niết-bàn, được đại tự tại, không chút trói buộc.

-Tịnh là thể của Niết-bàn, giải thoát khỏi hết thảy cấu nhiễm, vô cùng thanh tịnh.

“Trụ kỳ đặc pháp”.

Hôm nay Thích-ca Mâu-ni Phật trụ trong một pháp môn đặc biệt, sẽ tuyên thuyết kinh điển giúp chúng sanh bình đẳng thành Phật trong một đời, chính là kinh Vô Lượng Thọ, trên đề kinh nói “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, đây là pháp kỳ đặc. Tại sao vậy? Bởi vì hết thảy pháp mà Thế Tôn đã nói trong 49 năm, chưa từng nói qua pháp bình đẳng thành Phật, cho nên pháp môn này rất khó tin. Đẳng Giác Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn, chúng sanh trong địa ngục, căn tánh của họ khác biệt quá lớn, làm sao có thể bình đẳng thành Phật? Thế nhưng đức Phật có một pháp môn cực kỳ vi diệu có thể giúp chúng sanh bình đẳng thành Phật. Phật chưa từng nói pháp môn này, hôm nay sẽ tuyên giảng cho đại chúng, vì vậy Thế Tôn phải trụ trong pháp kỳ đặc. Kỳ đặc ở chỗ nào? Một là bình đẳng thành Phật; hai là Thích-ca Mâu-ni Phật trước nay chưa từng nói; ba là đại chúng chưa từng được nghe; bốn là kỳ đặc ở chỗ

không cần đoạn trừ phiền não, chỉ cần điều phục phiền não là được, có thể mang nghiệp vãng sanh. Đây là pháp môn độc nhất vô nhị.

Tịnh Ảnh Sớ nói: “Pháp mà Phật đã chứng đắc hơn hẳn những người khác, pháp chẳng có trong thế gian nên gọi là kỳ đặc”. Câu này có nghĩa là pháp mà Phật đã chứng đắc, không phải bậc Bồ-tát có thể đạt được, thế gian này không có, cho nên gọi là kỳ đặc. Kỳ là hiếm lạ, hiếm có; đặc là đặc biệt, đặc thù. Pháp mà Phật đã chứng đắc hơn hẳn những người khác, hơn hẳn A-la-hán. A-la-hán chứng Bát Niết-bàn của Tiểu thừa; Bồ-tát chứng đắc, từ sơ Tín vị cho đến Đẳng Giác có tổng cộng 51 giai vị, Phật cao hơn giai vị này, Phật là giai vị thứ 52, là quả vị cao nhất, phía trên không còn nữa, cho nên hơn hẳn những người khác. 51 giai vị là ở trong Đại thừa giáo; Tiểu thừa giáo có Thanh văn, tám giai vị là tứ quả tứ hương; còn có Bích-chi Phật cao hơn A-la-hán, thấp hơn Bồ-tát. Phật đều hơn hẳn những giai vị này, pháp mà Phật đạt được là đại pháp viên mãn rất ráo.

Pháp chẳng có trong thế gian, thế gian ở đây là chỉ lục đạo, thập pháp giới. Pháp mà Phật chứng đắc không có trong lục đạo, thập pháp giới. Pháp này hiếm có, pháp này đặc biệt, cho nên gọi là kỳ đặc.

Sách Chân Giải có cách giải thích tuyệt vời đối với “kỳ đặc pháp”, tôi trích dẫn một đoạn hay nhất cứng đờng mọi người. Ngài nói: Y chánh chủ bạn của thế giới Cực Lạc, hết thấy đều là tự tâm của A-di-đà Phật Như Lai biến hiện. Dù nói là một pháp, nhưng trong ao bảy báu ở Cực Lạc, trong một bông hoa có vô lượng quang, trong vô lượng quang lần lượt xuất hiện vô lượng Phật, vô lượng Phật diễn thuyết vô lượng diệu pháp cho mười phương chúng sanh, có thể thấy từ trong một sanh ra vô lượng. Dù nói là vô lượng, nhưng chỉ là một câu danh hiệu.

Vãng Sanh Luận Chú nói: thế giới Tây Phương Cực Lạc có ba loại trang nghiêm: Phật trang nghiêm, Bồ-tát trang nghiêm, cõi nước trang nghiêm đều vào trong một câu pháp. Một câu pháp là câu thanh tịnh, câu thanh tịnh chính là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi, cũng chính là câu danh hiệu này. Từ đó thấy được, nếu nói là một, nhưng trong một có vô thượng diệu pháp; nếu nói là nhiều, nhưng vô lượng trang nghiêm chỉ từ một tâm biến hiện. Vì vậy, đây là pháp kỳ lạ trong kỳ lạ, đặc biệt trong đặc biệt, là pháp chẳng thể nêu, chẳng thể nói, chẳng thể nghĩ bàn, cũng chẳng thể đặt tên, miễn cưỡng gọi là kỳ đặc. Đoạn này nói quá hay, không biết mọi người có nghe ra chỗ hay của nó không? Thật sự tuyệt diệu, vô cùng tuyệt diệu!

Đại sư Ngẫu Ích nói: người vãng sanh cõi ĐỒNG CƯ ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, mặc dù vẫn là phàm phu, nhưng đã đạt bất thoái chuyển; nếu nói họ đã chứng bất thoái chuyển, nhưng họ vẫn là phàm phu, đây là pháp mà mười phương cõi nước không có, cho nên gọi là “kỳ đặc”.

Phía trước có nói đến Bát Niết-bàn, tứ quả tứ hướng, tiếp theo tôi sẽ giải thích sơ lược một chút:

Bát Niết-bàn gọi tắt là Niết-bàn, cũng gọi là Nê-hoàn, Niết-bàn-da, Hán dịch là “viên tịch”. Viên là viên mãn hết thảy trí tuệ, tịch là tịch diệt hết thảy hoặc nghiệp. Cũng dịch là “diệt độ”. “Diệt” là diệt trừ ba loại hoặc kiến tư, trần sa và vô minh; “độ” là độ thoát hai loại sanh tử phần đoạn và biến dịch. Có nghĩa là khi trí tuệ và đức hạnh của một người đều đạt đến viên mãn rất ráo, vượt khỏi và đoạn dứt sanh tử và phiền não thì gọi là Niết-bàn. Đây là pháp không sanh không diệt mà bậc thánh chứng đắc được, vượt qua cảnh giới chân như của thời gian không gian, cũng là chốn trở về lý tưởng nhất, tốt đẹp nhất của muôn ngàn chúng sanh.

Tứ quả có hai cách giải thích:

Cách giải thích thứ nhất là chỉ bốn quả vị của Thanh văn thừa.

-Một, quả Tu-đà-hoàn, Hán dịch là Nhập Lưu, có nghĩa là mới nhập vào hàng thánh nhân.

-Hai, quả Tư-đà-hàm, Hán dịch là Nhất Lai, nghĩa là tu đạt được quả vị này, sau khi qua đời thì sanh lên cõi trời, làm người trời một đời, sau đó lại sanh vào thế giới này của chúng ta một lần nữa, rồi không còn chịu sanh tử trong Dục giới nữa.

-Ba, quả A-na-hàm, Hán dịch là Bất Hoàn. Tu đạt được quả vị này, không còn sanh lên Dục giới nữa.

-Bốn, quả A-la-hán, Hán dịch là Vô Sanh. Tu đạt được quả vị này, thoát ly sanh tử, không còn chịu thân sau, là quả vị cao nhất trong Thanh văn thừa.

Cách giải thích thứ hai là chỉ A-la-hán.

Tứ hướng, hướng có nghĩa là tiến tới các quả vị khác, là cấp bậc tu đạo Thanh văn trong Phật giáo Tiểu thừa.

-Một, Tu-đà-hoàn hướng, Hán dịch là Dự Lưu hướng.

-Hai, Tư-đà-hàm hướng, Hán dịch là Nhất Lai hướng.

-Ba, A-na-hàm hướng, Hán dịch là Bất Thoái hướng;

-Bốn, A-la-hán hướng, Hán dịch là Vô Học hướng.

Có vị cô đức nói “pháp kỳ đặc” là “tế phàm bí thuật”, phàm là phàm phu lục đạo, lục đạo gọi là nội phàm, tứ thánh gọi là ngoại phàm. Ngoại phàm có Thanh văn, Duyên Giác, Bồ-tát, những Bồ-tát này vẫn chưa minh tâm kiến tánh. Trong Đại thừa giáo vẫn thuộc về ngoại phàm chính là thập tín vị. Thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng của Biệt giáo đều là phàm. Thập địa được xưng là thánh, đặng địa liền xưng là thánh, ra khỏi thập pháp giới. Nếu là Viên Giáo của Hoa Nghiêm thì Sơ trụ đã ra khỏi rồi, đây là do hai tông pháp giáo khác nhau. Hoa Nghiêm cao, Sơ trụ Bồ-tát liền minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, là Phật thật chứ không phải giả. Mặc dù thành Phật, nhưng vẫn chưa chứng đắc viên mãn rốt ráo, cho nên gọi là Phần chứng tức Phật, lời này do đại sư Trí Giả của tông Thiên Thai nói. Từ Sơ trụ trở lên hết thấy đều kiến tánh, trong Biệt giáo phải tới [quả vị] Sơ địa mới kiến tánh. Sơ địa của Biệt giáo tương đương với Sơ trụ của Viên giáo, sự chứng đắc của các ngài đều bình đẳng.

Chư Phật Như Lai ứng hóa trên thế gian, giúp những phàm thánh này, những thánh nhân chưa ra khỏi thập pháp giới này, đó là A-la-hán, Bích-chi Phật của Tiểu thừa; tam thừa Bồ-tát của Đại thừa (tam thừa này là thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng). Có một bí thuật giúp các ngài, thuật là phương pháp. Phương pháp gì? Phương pháp thoát ly lục đạo, phương pháp thoát ly thập pháp giới. Phương pháp này không nằm trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, không nằm trong vô lượng pháp môn, nên gọi là “bí”. Chữ bí này có nghĩa là bí mật, thực ra cũng không thể nói là bí mật. Có thể dùng hai chữ “thâm mật” để giải thích. Thâm mật là trong mười pháp giới không ai biết; mặc dù biết nhưng họ không tin, cũng giống như không biết. Thật sự thấy được pháp môn này, nghe được pháp môn này, có thể tin tưởng không nghi ngờ thì đối với họ cũng là thâm mật, bởi vì họ tin tưởng.

Nhưng hầu hết mọi người đều không tin pháp môn này, không phải một mình Thích-ca Mâu-ni Phật nói như vậy, mà chư Phật Như Lai mười phương đều nói như vậy, đều khẳng định pháp môn này là pháp khó tin. Cho nên tu học pháp môn này, có người nửa đường thoái tâm, đổi sang pháp môn khác, thậm chí hủy báng pháp môn Tịnh độ, chuyện này cũng không có gì hiếm lạ. Không những không hiếm lạ

mà còn là hiện tượng bình thường. Nguyên nhân gì vậy? Họ không có thiện căn lớn, không có phước báo lớn như vậy.

Kinh Di-đà nói về pháp môn này rất hay, “chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về nước ấy”. Mặc dù chúng ta có nhân duyên, có cơ hội gặp được, nhưng thiện căn phước đức của chúng ta không đủ, cho nên nhìn thấy pháp môn khác sẽ động tâm, không thể một mực kiên trì học đến cùng. Nếu có thể không bị dao động bởi cảnh giới bên ngoài, một mực kiên trì học đến cùng thì tám vạn bốn ngàn pháp môn cũng không thể làm họ dao động, vô lượng pháp môn cũng không làm họ dao động. Không phải họ không tiếp xúc, mà tiếp xúc rồi vẫn như như bất động, giống như Thiện Tài Đồng Tử vậy.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, 53 lần tham học của Thiện Tài Đồng Tử, Thiện Tài Đồng Tử tu pháp môn gì? Tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh độ. Trong pháp hội của Văn-thù Bồ-tát, ngài đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đây gọi là căn bản trí. 53 lần tham học là để thành tựu hậu đắc trí của ngài. Hậu đắc trí tức là không gì không biết; căn bản trí là vô tri, Bát-nhã vô tri, lúc khởi tác dụng thì không gì không biết. Sau khi chứng đắc căn bản trí, 53 lần tham học thành tựu trí tuệ viên mãn, như vậy mới có thể độ chúng sanh, mới có thể trụ pháp kỳ đặc.

Đức Phật muốn nói pháp môn kỳ đặc này, đương nhiên phải trụ trong cảnh giới kỳ đặc trước, cảnh giới kỳ đặc là gì? Đó là:

“Trụ chư Phật sở trụ, đạo sư chi hạnh. Tối thắng chi đạo”.

“Chư Phật sở trụ” là Di-đà Tịnh độ, “đạo sư chi hạnh” là tín nguyện trì danh, hai câu này đều là “tối thắng chi đạo”. Ai biết được vậy? Chúng ta đọc đoạn này trong kinh Vô Lượng Thọ, rất nhiều người đều đọc lướt qua, chưa đọc ra ý vị trong đó, không biết rằng những câu này đã hết lời ca ngợi Tịnh tông. Chú ý! Hết lời ca ngợi! Một người có thiện căn phước đức sâu dày, đọc được đoạn kinh văn này, từ “Thế Tôn kim nhật nhập đại tịch định” đến “tối thắng chi đạo”, chỉ đọc mấy câu này, họ sẽ quyết một lòng nghiêm túc học tập pháp môn này, sẽ không thay đổi, không chuyển hướng nữa.

“Chư Phật sở trụ” là y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc. “Đạo sư chi hạnh” là dẫn dắt hết chúng sanh cùng thành Phật đạo. Bởi vì dùng pháp bình đẳng, độ chúng sanh trong chín pháp giới bình đẳng thành Phật, đó mới

là đại đạo sư, đạo sư không thể nghĩ bàn. “Tối thắng chi đạo” là thực hành hạnh của đức Di-đà, là niệm cái niệm của đức Di-đà. Niệm của đức Di-đà chính là bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng bình đẳng phổ độ hết thảy chúng sanh. Đây là đạo thù thắng bậc nhất, cho nên gọi là “tối thắng chi đạo”.

Tịnh Ảnh Số nói: “Chư Phật sở trụ” là quả Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của Niết-bàn, là nơi chư Phật cùng trụ. Phật Phật đạo đồng, cho nên Thế Tôn cũng cùng trụ nơi quả giác Niết-bàn của [chư Phật] sở trụ, từ Đại Niết-bàn sanh ra sự giáo hóa diệu dụng thù thắng. Thế nên hôm nay Phật trụ nơi hạnh của đạo sư, đạo tối thắng.

Sách Chân Giải nói đại tịch định là tên gọi khác của niệm Phật tam-muội, “ba đời chư Phật đều trụ vào niệm Phật này, nên gọi là Phật sở trụ”. Chư Phật ba đời đều trụ vào trong niệm Phật tam-muội, đây là chư Phật sở trụ. Hôm nay Thế Tôn cũng trụ vào niệm Phật tam-muội, nơi mà chư Phật trụ vào. Niệm Phật tam-muội gọi là bảo vương tam-muội, là vua trong các tam-muội nên gọi là bảo vương. Từ niệm Phật tam-muội có thể lưu xuất hết thảy tam-muội.

“Đại đạo sư”: “gọi là đạo sư nghĩa là chỉ bày con đường chân chánh cho chúng sanh”. Người có thể chỉ ra con đường đúng đắn cho chúng sanh được gọi là đạo sư, người có thể dạy người khác thoát khỏi sanh tử thì là đạo sư.

Kinh Phật Bảo Ân nói: “dẫn dắt [chúng sanh] đi theo con đường chân chánh, chỉ bày lối Niết-bàn, giúp cho họ đạt được vô vi, thường được an lạc” thì gọi là đại đạo sư. Gốc bệnh của chúng sanh là hữu vi, mặc dù học Phật nhưng bởi chấp trước tình kiến rất sâu, nên cũng xem Phật pháp thành pháp hữu vi.

Kinh Kim Cang nói: “Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”, đã là bọt bóng thì đó đều là hư vọng. Vì vậy, người làm đại đạo sư, chủ yếu là phải dẫn dắt tín chúng bỏ đi hữu vi, thông hiểu vô vi thì mới có thể hướng thẳng tới Niết-bàn, chứng đắc thường, lạc, ngã, tịnh.

Tiếp theo tôi sẽ nói một chút về bốn điều điên đảo của phàm phu cho quý vị nghe:

Điên đảo thứ nhất: xem vô ngã là hữu ngã, xem vô thường là thường, xem cấu là tịnh, xem khổ là lạc. Kinh Kim Cang nói vô ngã, nhưng chúng sanh luôn luôn chấp trước ngã, trong một đời chẳng có ý niệm nào không phải vì cái ngã hư dối này.

Điền đảo thứ hai: đời người vô thường, chỉ là bọt xà phòng, nhưng chúng sanh chỉ nhìn thấy đủ mọi màu sắc của bọt xà phòng mà quên rằng chúng sẽ vỡ ngay lập tức.

Điền đảo thứ ba: bất kỳ dung mạo nhan sắc tươi đẹp nào của nam nữ trên thế gian, đặc biệt là trong mắt người yêu, đó là thiên sứ, là tiên hoa, thậm chí là thần thánh, nhưng trên thực tế, chỉ là một nhà vệ sinh biết đi mà thôi.

Điền đảo thứ tư: thế gian này là tám nỗi khổ đan xen, nhưng chúng sanh lại vui không biết mệt. Người đời hút chích rượu chè, cờ bạc hoang dâm, đang cao hứng bùng bùng, ai biết sẽ rơi sâu vào biển khổ. Những điều mà người thế gian mong cầu thật sự đều là chuyện khổ, chính mình không biết, ngược lại cảm thấy rất vui, trên thực tế đều là khổ, không có vui. Sự hưởng lạc trước mắt là hoại khổ, cảnh vui bị phá hủy thì chính mình rất khổ.

Chúng A-la-hán sẽ giải quyết được bốn điều điền đảo này, nhưng lại có bốn điều điền đảo của A-la-hán. A-la-hán không biết thường lạc ngã tịnh của Bồ-tát, Bồ-tát là chân thường, pháp lạc, chân ngã, bản tịnh. Sách Chân Giải nói: “Hạnh của đạo sư” “tức là Di-đà Thế Tôn bình đẳng tiếp dẫn, không để sót ai”. Di-đà Thế Tôn bình đẳng phổ độ, không có phân biệt. Bất luận là người thông minh, người khờ dại, người tốt, người xấu, oan gia hay người thân đều bình đẳng đại bi phổ độ, không bỏ một chúng sanh nào.

Chúng ta học Phật nhiều năm như vậy, để tôi đưa ra một câu hỏi khảo nghiệm bạn, người niệm Phật vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì thành Phật, thành Phật gì? Bạn là vị Phật nào? Nói cho bạn biết, là A-di-đà Phật. A-di-đà Phật là vị Phật bậc nhất trong biển quả chánh giác, là căn bản Phật, là tự tánh Phật, hết thảy chúng sanh đều có, chỉ là mê nên không giác.

Hôm nay Thế Tôn sẽ tuyên thuyết cho chúng ta pháp môn thù thắng không gì sánh bằng, giúp chúng sanh một đời bình đẳng thành Phật, giúp chúng ta đều giác ngộ, biết được trong chân tâm của bản thân chúng ta có bảo bối, không cần tìm cầu bên ngoài, bên ngoài không có, bên ngoài đều là huyễn tướng, “phàm những gì có tướng đều là hư vọng”. Một câu Phật hiệu A-di-đà Phật đều bao hàm giới định tuệ trong đó, vi diệu không tả hết, hiếm có đặc biệt đến tột cùng. Bạn có thể vào cảnh giới này, bạn mới thường thức được pháp vị của Tịnh độ, pháp vị của thế giới Cực Lạc, tâm hoan hỷ tự nhiên sẽ sanh khởi.

*Duyên khởi đại giáo thật thù thắng
Công đức A-nan thỉnh pháp lớn
Thế Tôn tuyên giảng pháp kỳ đặc,
Phổ độ chúng sanh trong pháp giới,
Hữu duyên gặp được pháp kỳ đặc,
Bạn nhất định phải trân trọng,
Có mắt không nhìn ra châu báu,
Hối hận cũng đã quá muộn màng!*

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây. Cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!